TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 426/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 28/8/2020
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Anh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Hải

2. Ông Vũ Ngọc Tiến

Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Thúy Hằng - thư ký Tòa án nhân dân Quận 10

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, về "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số: 109/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc Hương G, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)
Thường trú: Số 3/51/17 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Thường trú: Số 418/22D Đường D, Phường Đ, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Ngọc Hương G trình bày**:**

Bà Lê Ngọc Hương G và ông Lê Văn S sống chung từ năm 2004, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 52, quyển số 1 ngày 28/6/2004 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà G, ông S có hai con chung tên Lê Ngọc Khánh L (nữ), sinh ngày 18/11/2004 và Lê Khánh P (nam), sinh ngày 30/8/2011.

Cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và cách sống không hòa hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau. Ông S có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Mâu thuẫn thường xuyên và lâu dài đã làm mất tình cảm với nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không

thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Văn S.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Ngọc Khánh L và Lê Khánh P. Bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà G xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Lê Văn S đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt, đồng thời nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải; Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

- Chủ tọa phiên tòa công bố: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà G được ly hôn với ông S; Giao hai con chung tên Lê Ngọc Khánh L và Lê Khánh P cho bà G nuôi dưỡng.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Lê Ngọc Hương G, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Ngọc Hương G và ông Lê Văn S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn đúng quy định nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Theo bà G thì nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ông S có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm gia đình, cách sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau. Xét thấy cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho bà G, mục đích hôn nhân không đạt được, ông S không đến Tòa án để hòa giải chứng tỏ ông S cũng không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ gắn bó lẫn nhau, do đó Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 là chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà G được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Bà G và ông S có hai con chung tên Lê Ngọc Khánh L và Lê Khánh P. Xét việc bà G nhận nuôi hai con chung, bà G có đủ khả năng và điều kiện nuôi con, tại đơn trình bày cùng ngày 12/6/2020, hai con chung đều có nguyện vọng được sống cùng bà G nên chấp nhận giao cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận việc bà G không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà G xác định vợ chồng không có tài sản chung. Ông S vắng mặt không có ý kiến về vấn đề tài sản chung. Do vậy, Toà không xem xét, giải quyết phần tài sản chung.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà G xác định bà và ông S không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không xét.

[4] Về án phí: Bà Lê Ngọc Hương G chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc Hương G.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc Hương G được ly hôn với ông Lê Văn S.

- Về con chung: Giao cho bà Lê Ngọc Hương G trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Ngọc Khánh L (nữ), sinh ngày 18/11/2004 và Lê Khánh P (nam), sinh ngày 30/8/2011. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Ngọc Hương G về việc không yêu cầu ông Lê Văn S cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà Lê Ngọc Hương G xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lê Ngọc Hương G xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Ngọc Hương G chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số: AA/2019/0014405 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Lê Ngọc Hương G, ông Lê Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP -VKSNDTP;
- VSKND Quận 10;
- Chi cục THA Dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- UBND Phường1, Quận 10
(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Anh